

Số: **144** /QĐ-SKHĐT

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn
Quốc gia TCVN ISO 9001: 2015**

Căn cứ Quyết định 1047/QĐ-UBND ngày 15/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2008 (phiên bản tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015) vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 122/QĐ-SKHĐT ngày 14/11/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành và áp dụng Hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015;

Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo ISO Sở (Biên bản họp ngày 26/12/2019)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống tài liệu quản lý chất lượng tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Đắk Lắk phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ - TTg ngày 05/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2008 (phiên bản Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015) vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước (*Bản công bố kèm theo*).

Điều 2. Toàn thể công chức, viên chức, các phòng, đơn vị thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm đọc, hiểu và thực thi công vụ theo đúng quy định của Hệ thống tài liệu này, tiến hành đưa hệ thống văn bản theo TCVN ISO 9001: 2015 vào áp dụng trong các hoạt động quản lý nhà nước ngành kế hoạch và đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Các ông (bà) Phụ trách Văn phòng Sở, Trưởng Ban ISO, Chánh Thanh tra Sở, Trưởng các phòng, Giám đốc Trung tâm xúc tiến đầu tư, đơn vị và toàn thể công chức, viên chức thuộc Sở căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Sở KHCN(để biết);
- Chi cục ĐLCL(để theo dõi);
- Giám đốc, Các Phó GD Sở;
- iDesk(để biết T.h);
- Lưu VT, VP.



Đinh Xuân Hà

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Kế hoạch và Đầu tư
phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 : 2015
(Theo Danh mục tài liệu ban hành kèm theo Quyết định số 122/QĐ-SKHĐT
ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Sở)

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 12 năm 2019

GIÁM ĐỐC

Đinh Xuân Hà

**DANH MỤC TÀI LIỆU
HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO
TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001: 2015**

*(Kèm theo Quyết định số 122/QĐ - SKHĐT, ngày 15 tháng 11 năm 2019
của Sở Kế hoạch và Đầu tư)*

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu
Thủ tục, Hướng dẫn Mô hình hệ thống quản lý chất lượng		
1	- Chính sách chất lượng; - Mục tiêu chất lượng; - Căn cứ mục tiêu chất lượng của Sở, các phòng, đơn vị thuộc Sở xây dựng mục tiêu chất lượng, chính sách chất lượng, phân công nhiệm vụ cho từng công chức, viên chức; biện pháp thực hiện các nhiệm vụ, chức năng được giao	
2	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu, hồ sơ)	HD. 01
3	Hướng dẫn quản lý rủi ro, cơ hội	HD. 02
4	Hướng dẫn đánh giá nội bộ	HD. 03
5	Hướng dẫn kiểm soát sự không phù hợp và hoạt động khắc phục	HD.04
Quy trình quản lý nội bộ		
1	Quy trình quản lý văn bản đi, đến	QT-VP-01
2	Quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế 1 cửa liên thông	QT-VP-02
3	Quy trình 119 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở (thuộc chức năng nhiệm vụ giải quyết của các phòng).	
Quy trình giải quyết thủ tục hành chính		
	-Thực hiện Quyết định 2083/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của UBND tỉnh về quy trình điện tử hóa việc tiếp nhận Thủ tục hành chính trực tuyến mức độ 3, 4 trên hệ thống dịch vụ công tỉnh Đắk Lắk; -Thực hiện theo Quyết định số 3051/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của UBND tỉnh công bố Danh mục TTHC thực hiện tiếp nhận và giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công; - Quy trình ISO 9001:2015 Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới công bố ban hành (Quyết định số 2639/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở).	119 TTHC QĐ 2639/QĐ- UBND ngày 18/9/2019 kèm theo

DANH MỤC QUY TRÌNH ISO 9001: 2015
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

*(Kèm theo Danh mục tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn
TCVN ISO 9001:2015 Công bố tại Quyết định số 144 SKHĐT-VP ngày 30
tháng 12 năm 2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Đắk Lắk)*

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành
(Quyết định số 2639/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Mức độc cung cấp dịch vụ công trực tuyến Mức độ (2,3,4)	Cung cấp dịch vụ Bưu chính công ích	
			Tiếp nhận	Trả quả
I	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC			
1	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	2		X
2	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	2		X
3	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	2		X
4	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	2		X
5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	2		X
6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	2		X
7	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	2		X
8	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư	2		X

9	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh	2		x
10	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (Kinh tế đối ngoại)	2		x
11	Chuyển nhượng dự án đầu tư	2		x
12	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	2		x
13	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	2		x
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	2		x
15	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	2		x
16	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	2		x
17	Giãn tiến độ đầu tư	2		x
18	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư	2		x
19	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	2		x
20	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	2		x
21	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	2		x
22	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư (Kinh tế đối ngoại)	2		x
II	LĨNH VỰC VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI (NGO)			
23	Tiếp nhận dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài	2		x
III	LĨNH VỰC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA)			
24	Thủ tục xác nhận chuyên gia	2		x
IV	LĨNH VỰC ĐẦU THẦU			

25	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu	2		x
26	Thẩm định, phê duyệt Hồ sơ mời thầu, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu	2		x
27	Thẩm định Kết quả lựa chọn nhà thầu	2		x
V	LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO			
28	Thủ tục giải quyết khiếu nại			
29	Thủ tục giải quyết tố cáo			

2. Danh mục thủ tục hành chính cập nhật sửa đổi, bổ sung thay thế
(Quyết định số 2639/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến Mức độ (2,3,4)	Cung cấp dịch vụ Bưu chính công ích	
			Tiếp nhận	Trả quả
VI	LĨNH VỰC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA)			
30	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại	2		x
31	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	2		x
32	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	2		x
33	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm	2		x

VII	LĨNH VỰC THẨM ĐỊNH DỰ ÁN			
34	Rà soát, tổng hợp kết quả thẩm định trình phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình	2		x
35	Rà soát, tổng hợp kết quả thẩm định trình phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình	2		x
36	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi công trình sử dụng nguồn vốn nhà nước ngoài ngân sách	2		x
37	Thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn nhà nước ngoài ngân sách	2		x
38	Thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với dự án sửa chữa, cải tạo, bảo trì, nâng cấp có tổng mức đầu tư dưới 5 tỷ đồng	2		x
39	Thẩm định dự án đầu tư công không có cầu phần xây dựng	2		x
40	Thẩm định thiết kế, dự toán dự án đầu tư công không có cầu phần xây dựng	2		x
VIII	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN			
41	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	2		x
IX	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ THEO ĐỐI TÁC CÔNG TƯ			
42	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất	2		x
43	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất	2		x
44	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất	2		x
X	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP			
01	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	4	x	x
02	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	4	x	x
03	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	4	x	x
04	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	4	x	x
05	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	4	x	x

06	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	4	x	x
07	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	4	x	x
08	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	4	x	x
09	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	4	x	x
10	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức	4	x	x
11	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước	4	x	x
12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế	4	x	x
13	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	4	x	x
14	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp	4	x	x
15	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác	4	x	x
16	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích	4	x	x
17	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác	4	x	x
18	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	4	x	x

19	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	4	x	x
20	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	4	x	x
21	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	4	x	x
22	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	4	x	x
23	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	4	x	x
24	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	4	x	x
25	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động	4	x	x
26	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	4	x	x
27	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	4	x	x
28	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	4	x	x
29	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	4	x	x
30	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	4	x	x
31	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	4	x	x

32	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	4	x	x
33	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	4	x	x
34	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	4	x	x
35	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	4	x	x
36	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	4	x	x
37	Giải thể doanh nghiệp	4	x	x
38	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	4	x	x
39	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	4	x	x
40	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	4	x	x
41	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	4	x	x
42	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần	4	x	x
43	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	4	x	x
44	Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	4	x	x
45	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	4	x	x
46	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	4	x	x
47	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ	4	x	x

	chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)			
48	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	4	x	x
49	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp	4	x	x
50	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp	4	x	x
51	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp	4	x	x
52	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp	4	x	x
53	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp	4	x	x
54	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp	4	x	x
55	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	4	x	x
56	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn	4	x	x
57	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng	4	x	x
58	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	4	x	x
59	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	4	x	x
60	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	4	x	x
XI	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ	4	x	x
1	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	4	x	x
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	4	x	x
3	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	4	x	x
4	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	4	x	x

5	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	4	x	x
6	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	4	x	x
7	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	4	x	x
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	4	x	x
9	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã	4	x	x
10	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	4	x	x
11	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	4	x	x
12	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	4	x	x
13	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	4	x	x
14	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	4	x	x
15	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã	4	x	x

5	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	4	x	x
6	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	4	x	x
7	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	4	x	x
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	4	x	x
9	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã	4	x	x
10	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	4	x	x
11	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	4	x	x
12	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	4	x	x
13	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	4	x	x
14	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	4	x	x
15	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã	4	x	x

MỤC LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định số 2639/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

TT	LĨNH VỰC THUỘC NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	SỐ TTHC
I	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC	22
II	LĨNH VỰC VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI (NGO)	01
III	LĨNH VỰC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA)	01
IV	LĨNH VỰC ĐẦU THẦU	03
V	LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO	02
	TỔNG	29

1. Danh mục thủ tục hành chính cập nhật sửa đổi, bổ sung thay thế

VI	LĨNH VỰC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA):	04
VII	LĨNH VỰC THẨM ĐỊNH DỰ ÁN	07
VIII	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN	01
IX	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ THEO ĐỐI TÁC CÔNG TƯ	03
X	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP	60
XI	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ	15
	TỔNG	90
	TỔNG SỐ (1+2)	119